

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2018/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Phạm Trung Tuấn.

Nguyễn Văn Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên họp:*** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 20/2017/QĐST-HC ngày 08 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã căn cứ vào khoản 5 Điều 38, Điều 143, Điều 144 của Luật Tổ tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc “khởi kiện Quyết định số 5267/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 742106 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Lâm T ngày 23/12/2013”, giữa:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: khu phố B, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Địa chỉ: thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện L.

Địa chỉ: thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L.

Địa chỉ: thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3/ Bà Lâm T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 11 tháng 8 năm 2017, bà Lê Thị N đề nghị hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 20/2017/QĐST-HC ngày 08

tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng hủy Quyết định số 5267/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 742106 ngày 23/12/2013 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Lâm T.

XÉT THẤY:

[1] Bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5267/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L (Sau đây viết là Quyết định số 5267) và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 742106 ngày 23/12/2013 (Sau đây viết là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Lâm T. Quyết định số 5267 công nhận và giữ nguyên Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của Chủ tịch UBND thị trấn L (Sau đây viết là Quyết định số 181) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Lê Thị N. Quyết định số 181 không chấp nhận đơn khiếu nại của bà N đối với Công văn số 268/UBND-VP ngày 16/12/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn L giải quyết khiếu nại của bà N về việc Ủy ban nhân dân thị trấn L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lâm T. Các quyết định nêu trên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà T không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N vì bà N không tranh chấp đất với bà T hoặc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T để cấp đất cho mình.

[2] Trong các đơn khiếu nại, đơn khởi kiện, bà N đều trình bày là bà không tranh chấp quyền sử dụng đất với bà T, không yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất này cho bà mà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T để cấp đất cho gia đình diện chính sách, gia đình nghèo không có đất ở hoặc phục vụ cho mục đích công cộng. Trong đơn kháng cáo của bà Lê Thị N có đoạn viết: “Mặc dù tôi không có quyền lợi gì trong vụ việc này, nhưng tôi thấy UBND thị trấn L và UBND huyện L lấy 133,3m² đất tọa lạc tại khu phố B, thị trấn L có nguồn gốc là đất nghĩa địa do Nhà nước quản lý đem cấp cho bà Lâm T là trái pháp luật”. Như vậy, chính bà N khẳng định bà khởi kiện không nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà hoặc tổ chức mà bà là đại diện hợp pháp.

[3] Việc bà N yêu cầu hủy Quyết định số 5267 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 742106 ngày 23/12/2013 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Lâm T không liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên bà không có quyền khởi kiện. Đáng lẽ, bà N được trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Do đơn khởi kiện của bà N đã được thụ lý nên Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là đúng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính 2015. Hội đồng phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà N yêu cầu hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 20/2017/QĐST-HC ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến như sau: Đề nghị Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N, áp dụng điểm a khoản 5 Điều 243 Luật Tố tụng hành chính, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quan điểm này phù hợp với quan điểm của Hội đồng phúc thẩm nên Hội đồng phúc thẩm chấp nhận.

[5] Bà N không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Điều 349 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Căn cứ vào Điều 243 của Luật Tố tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 20/2017/QĐST-HC ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0003564 ngày 25/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự (5);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), HDT, 14.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Đặng An Thanh